TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HINH
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 19/02/2020
V/v tranh chấp: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN
-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Đông

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ksor Y Thư.

2. Bà Huỳnh Thị Thu Sương.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mạy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2020 tại Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2019/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2019 về tranh chấp Xin ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1978. Địa chỉ: M65 NT, khu phố M5, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Thợ tóc. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu A1, sinh năm 1975. Địa chỉ:M 65 NT, khu phố M5, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Nghề nghiệp: Đấu thầu bãi giữ xe bệnh viện huyện SH. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 17 tháng 12 năm 2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, và tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là bà Lê Thị Mỹ L trình bày:

Về hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hữu A1 chung sống với nhau năm 1995, trên cơ sở tự nguyện nhưng không đăng ký kết hôn. Từ khi chung sống, vợ chồng không hợp nhau về mọi mặt nên thường xuyên cãi vã, xô xát, không hạnh phúc. Vợ chồng đã sống ly thân nhiều tháng nay không ai quan

tâm, chăm sóc đến ai. Xét thấy tình cảm không còn nên bà L khởi kiện xin ly hôn ông Nguyễn Hữu A1.

Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hữu A1 có hai con chung là Nguyễn Hữu H sinh năm 1996, Nguyễn Bảo Q sinh ngày 02/02/2002. Các con đều đã đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà Lê Thị Mỹ L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Hữu A1 trình bày thống nhất như bà Lê Thị Mỹ L về quan hệ hôn nhân không đăng ký kết hôn, con và tài sản. Ông Nguyễn Hữu A1 cho rằng bà L đã có người khác nên không còn tình cảm, không thể tiếp tục sống chung nên cũng đồng ý ly hôn, không yêu cầu tòa án giải quyết về con chung và tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua kiểm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng dân sự: Bà Lê Thị Mỹ L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh giải quyết việc hôn nhân giữa bà và ông Nguyễn Hữu A1 cư trú tại khu phố M5, thị trấn HR, huyện SH, tỉnh Phú Yên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện SH, tỉnh Phú Yên đã thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hữu A1 chung sống với nhau vào năm 1995, trên cơ sở tự nguyện, nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Do vậy, hôn nhân của bà L và ông A1 là hôn nhân không hợp pháp, không được nhà nước thừa nhận. Căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ giữa bà Lê Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hữu A1 là quan hệ vợ chồng và áp dụng Điều 15, 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết về con chung, tài sản.

[3] Về con chung: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hữu A1 đều thừa nhận có hai người con chung. Tất cả các con đã trưởng thành, có khả năng lao động, bà L, ông A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hữu A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ L là nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hữu A1 được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 53, khoản 1 Điều 14 và các Điều 15, 16, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Lê Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hữu A1 là vợ chồng.

2. Về con chung**:** Bà Lê Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hữu A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung**:** Bà Lê Thị Mỹ L và ông Nguyễn Hữu A1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Lê Thị Mỹ L phải chịu 300.000^{đ} (Ba trăm ngàn đồng) phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000^{đ} tạm ứng án phí nộp trước tại biên lai thu tiền số 0015093 ngày 20/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sông Hinh. Bà Lê Thị Mỹ L đã thi hành xong.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND h.Sông Hinh;
- Các đương sự;
- UBND TT Hai Riêng;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Đông

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Phú Yên;
-VKSND h.Sông Hinh;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

Lương Thị Đông